

Số: 15 /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 442/QĐ-VKSTC ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế miễn nhiệm, từ chức, cách chức đối với công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 3. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VKSND tối cao (để chỉ đạo thực hiện);
- Văn phòng VKSND tối cao (để đăng tải);
- Lưu: VT, V15.



VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Huy Tiến

QUY CHẾ

Về việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác
đối với công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15./QĐ-VKSTC ngày 30 tháng 7... năm 2026
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý; tạm đình chỉ công tác đối với công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân và miễn nhiệm đối với chức danh tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp;
- Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các chức vụ, chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, cán bộ điều tra Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự Trung ương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho công chức chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu.
- Từ chức là việc công chức đang giữ chức vụ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc khi chưa hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm đối với công chức nhưng chưa đến mức cách chức hoặc đương nhiên được miễn nhiệm theo luật định.

4. Tạm đình chỉ công tác đối với công chức là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của công chức trong một thời hạn nhất định.

5. Cấp ủy là Ban Thường vụ Đảng ủy (nơi không có Ban thường vụ là Ban chấp hành đảng bộ), Chi ủy.

6. Đơn vị tham mưu về công tác tổ chức cán bộ là Vụ Tổ chức cán bộ ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phòng tổ chức cán bộ tại Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Phòng tổ chức cán bộ tại Viện kiểm sát quân sự Trung ương.

7. Người đứng đầu là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp; Vụ trưởng và tương đương thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Ban thường vụ Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân. Ban thường vụ Đảng ủy (nơi không có Ban thường vụ là Ban chấp hành Đảng bộ) Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ ở Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; các nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tổ chức cán bộ và quy định về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực; nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với công chức.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với công chức khi có đủ căn cứ.

Điều 5. Thẩm quyền thực hiện

1. Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do cấp có thẩm quyền nào bổ nhiệm thì cấp có thẩm quyền đó xem xét cho công chức thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác hoặc theo phân cấp quản lý cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân. Công chức thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị sử dụng công chức báo cáo, đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác.

2. Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng công chức quyết định tạm đình chỉ công tác.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công tác đối với công chức khi có đủ căn cứ theo Quy chế này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM, TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 6. Căn cứ cho thôi giữ chức vụ

Công chức được cho thôi giữ chức vụ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng chỉ tiêu công tác của cấp có thẩm quyền.

2. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Công chức không đủ sức khỏe để tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

4. Công chức đến thời điểm nghỉ hưu nhưng đang phải điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có bệnh án của cơ sở y tế nơi công chức đang điều trị thì được lùi thời điểm nghỉ hưu không quá 06 tháng và thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, tính từ thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu.

Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ đối với công chức thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

Điều 7. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ

1. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ theo khoản 1, khoản 2 Điều 6 thì cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ trình người đứng đầu hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ theo khoản 3, 4 Điều 6 thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ căn cứ tình trạng sức khỏe của công chức đang phải điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện và đơn đề nghị lùi thời điểm nghỉ hưu của công chức để đề xuất, xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

b) Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ thông báo và nghe ý kiến của công chức về việc cho thôi giữ chức vụ, trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc người có thẩm quyền trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 8. Căn cứ từ chức đối với công chức lãnh đạo, quản lý

1. Việc xem xét từ chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện khi công chức tự nguyện thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và có một trong các căn cứ sau đây:

- a) Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ sức khỏe, uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao;
- b) Để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng;
- c) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của cấp có thẩm quyền;
- d) Vì các lý do chính đáng khác.

2. Việc xem xét từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

- a) Là người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức;
- b) Là người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3. Không xem xét cho từ chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; nếu từ chức ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và Nhà nước;
- b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra hoặc đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử;
- c) Các khoản 5, 6, 7, 8 Điều 10 của Quy chế này;
- d) Không thực hiện việc cho từ chức đối với công chức thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

Điều 9. Quy trình xem xét cho từ chức

1. Việc xem xét cho từ chức được thực hiện theo trình tự sau:

- a) Công chức lãnh đạo giữ chức vụ, lãnh đạo, quản lý có đơn từ chức;
- b) Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn từ chức, cơ quan, bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi công chức đang công tác có trách nhiệm trao đổi với công chức và báo cáo cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định;

c) Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan, bộ phận tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định việc cho công chức từ chức; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

2. Công chức không có đơn từ chức nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 8 thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác phù hợp.

3. Công chức có đơn từ chức, nhưng chưa được người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi công tác hoặc cấp có thẩm quyền đồng ý thì vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 10. Căn cứ miễn nhiệm đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Việc xem xét miễn nhiệm đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

4. Xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ 2 năm liên tiếp (liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

7. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực rất nghiêm trọng.

8. Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

10. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy trình xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo trình tự sau:

1. Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc thì đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng công chức đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (qua đơn vị tham mưu về công tác cán bộ);

2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn nhiệm chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền và cấp ủy cùng cấp phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định miễn nhiệm đối với công chức phải đạt trên 50% tập thể lãnh đạo, cấp ủy cùng cấp đồng ý; trường hợp đạt 50% trở xuống thì do người đứng đầu quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

3. Sau khi công chức lãnh đạo, quản lý bị miễn nhiệm, cấp có thẩm quyền xem xét bố trí công tác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; công chức có trách nhiệm chấp hành quyết định phân công của cấp có thẩm quyền.

Điều 12. Tạm đình chỉ công tác đối với công chức

1. Công chức có thể bị tạm đình chỉ công tác trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân;

b) Có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ;

c) Cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý hoặc nếu để tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật;

đ) Đã bị xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cơ quan, đơn vị;

e) Có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác của các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc của cơ quan khác có thẩm quyền;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 30 ngày làm việc; trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài thêm thời gian tạm đình chỉ nhưng không quá 30 ngày làm việc.

Thời hạn tạm đình chỉ đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này thực hiện theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

Điều 13. Quy trình xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ khi xác định có căn cứ tạm đình chỉ, cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ có trách nhiệm báo cáo, đề xuất người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ.

2. Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với công chức.

3. Trường hợp tạm đình chỉ công tác không đúng quy định hoặc khi có kết luận công chức không vi phạm, chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày có đủ cơ sở, người đứng đầu ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với công chức, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý công chức.

4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác (nếu có) phải được công bố trong cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức và gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Quy định liên quan đến công chức bị tạm đình chỉ công tác

a) Công chức bị tạm đình chỉ công tác thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Quyết định tạm đình chỉ công tác là căn cứ để xem xét, xếp loại công chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm công tác đó.

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với công chức bị tạm đình chỉ công tác

1. Trong thời gian tạm đình chỉ công tác mà chưa bị xem xét xử lý kỷ luật thì được hưởng 50% tiền lương tháng hiện hưởng. Tiền lương tháng hiện hưởng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc; Phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp trách nhiệm nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có).

2. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị tạm đình chỉ công tác đương nhiên bị tạm đình chỉ chức vụ và không được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo.

3. Công chức không bị xử lý kỷ luật hoặc được kết luận oan, sai thì được truy lĩnh 50% còn lại của tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 1 Điều này;

4. Công chức bị xử lý kỷ luật, bị buộc thôi việc hoặc bị Tòa án tuyên là có tội thì không được truy lĩnh 50% còn lại của tiền lương tháng hiện hưởng quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CHỨC DANH TƯ PHÁP

Điều 15. Căn cứ và quy trình miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên, Kiểm tra viên

1. Việc miễn nhiệm chức danh Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

a) Kiểm sát viên, Kiểm tra viên đương nhiên được miễn nhiệm chức danh khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển ngành.

b) Kiểm sát viên, Kiểm tra viên có thể được miễn nhiệm chức danh vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Quy trình miễn nhiệm đối với chức danh Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được thực hiện như sau:

Bước 1:

Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng công chức và đại diện đơn vị tham mưu về công tác tổ chức cán bộ trao đổi với công chức. Đơn vị sử dụng công chức đề xuất với cấp có thẩm quyền về việc xem xét miễn nhiệm chức danh đối với công chức (qua đơn vị tham mưu về công tác tổ chức cán bộ).

Bước 2:

Đơn vị tham mưu về công tác tổ chức cán bộ trình Ủy ban kiểm sát cùng cấp cho ý kiến về việc miễn nhiệm chức danh đối với công chức. Việc miễn nhiệm được thực hiện khi có trên 50% tổng số thành viên tán thành; trường hợp đạt 50% trở xuống thì thực hiện theo phía có ý kiến của Viện trưởng.

Bước 3:

Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân các cấp trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao miễn nhiệm Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm tra viên cao cấp, Kiểm tra viên chính của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Kiểm tra viên công tác tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm chức danh Kiểm tra viên của cấp tỉnh, khu vực theo thẩm quyền.

Điều 16. Hồ sơ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đơn xin từ chức của công chức đối với trường hợp từ chức.
2. Tờ trình của cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ.
3. Các văn bản có liên quan: Quyết định, văn bản kết luận, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.
4. Biên bản, Nghị quyết cuộc họp, biên bản kiểm phiếu.
5. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thực hiện theo quy định của Đảng; quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hiện hành.
2. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo thì các cá nhân có liên quan phải thi hành quyết định cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm của cấp có thẩm quyền.
3. Kể từ khi có đủ cơ sở kết luận việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm không có căn cứ thì cấp có thẩm quyền phải có quyết định bố trí lại chức vụ, chức danh và giải quyết các quyền lợi hợp pháp liên quan đến chức vụ, chức danh cũ của công chức.

Điều 18. Chế độ, chính sách đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ chức, miễn nhiệm

1. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý sau khi từ chức nếu tiếp tục công tác thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo như sau:
 - a) Được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ đối với trường hợp từ chức theo quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 8 Quy chế này;
 - b) Được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện hưởng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày có quyết định cho từ chức đối với trường hợp từ chức theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 8 Quy chế này trong trường hợp thời hạn giữ chức vụ còn 06 tháng trở lên; trường hợp còn dưới 06 tháng thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

2. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị miễn nhiệm không được hưởng phụ cấp chức vụ kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm.

Điều 19. Bố trí công tác đối với công chức sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với công chức sau khi cho thôi giữ chức vụ

Công chức sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định) và không quan trọng hơn. Xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn theo quy định.

Sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu công chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với công chức sau khi từ chức

- Trường hợp công chức còn thời gian công tác dưới 5 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý) được giữ nguyên ngạch công chức đã được bổ nhiệm.

- Trường hợp công chức còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên hoặc công chức sau khi bị kỷ luật tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định).

Sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với công chức sau khi miễn nhiệm

- Công chức giữ chức vụ lãnh đạo giữ chức vụ, quản lý sau khi miễn nhiệm có nguyện vọng tiếp tục công tác thì được cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý) và xếp vào ngạch công chức phù hợp với vị trí việc làm.

Sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm theo quy định.

- Đối với các trường hợp nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 10 nếu công chức tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Công chức bị miễn nhiệm chức danh được cấp có thẩm quyền căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

5. Nếu công chức sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế miễn nhiệm, từ chức, cách chức đối với công chức trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành theo Quyết định số 442/QĐ-VKSTC ngày 12/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Các quy định trước đây trái với Quy chế này bị bãi bỏ.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm phổ biến, quán triệt quy chế này đến toàn thể công chức của đơn vị và tổ chức thực hiện.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy chế này và quy định về quản lý cán bộ của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng.

3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy chế này.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao để được hướng dẫn. /.